

**Quyết định**

*Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021*

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 23/7/2021 của HĐND xã Ninh Giang về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2021.

**Quyết định:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021,  
(Chi tiết theo biểu đính kèm).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 2:** Giao cho văn phòng HĐND, UBND, Tài chính – kế toán xã thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhân:**

- HĐND xã ;
- BTC xã;
- Kho bạc NN;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**  
**Chủ tịch**



**Bưu Quốc Trị**



**Tổng hợp thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022**

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>5.815.071.150</b>	đồng
<b>I</b>	<b>THU CÁC KHOẢN XÃ HƯỞNG 100%</b>	<b>30.910.000</b>	đồng
1	Thu phí , lệ phí	17.317.000	đồng
2	Thu tiền cho thuê đất trạm BTS	12.000.000	đồng
3	Thu phạt, thu khác	1.593.000	đồng
<b>II</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN</b>	<b>689.134.908</b>	đồng
<b>III</b>	<b>THU CÁC KHOẢN XÃ HƯỞNG THEO TỶ LỆ %</b>	<b>165.026.242</b>	đồng
1	Thu điều tiết thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.377.684	đồng
2	Thu điều tiết lệ phí trước bạ nhà đất	67.125.191	đồng
3	Thu điều tiết thuế giá trị gia tăng	17.395.147	đồng
4	Thu điều tiết thuế thu nhập từ hoạt động SX kinh doanh trên địa bàn	7.423.573	đồng
5	Thu điều tiết thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	56.658.849	đồng
6	Thu điều tiết chậm nộp các khoản	45.798	đồng
<b>IV</b>	<b>THU TRỢ CẤP VÀ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>4.930.000.000</b>	đồng
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	1.930.000.000	đồng
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.000.000.000	đồng
	- Hỗ trợ thanh toán XDCB: 3.000.000.000 đồng		đồng
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>5.456.378.599</b>	đồng
<b>A</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>2.555.778.599</b>	đồng
<b>I</b>	<b>Chi hoạt động Đảng</b>	<b>352.077.700</b>	đồng
1	Chi lương, phụ cấp, BH cán bộ đảng	141.844.800	đồng
2	Chi phụ cấp Bí thư chi bộ chi phụ cấp của cấp uỷ	200.956.300	đồng
3	Chi hoạt động Đảng	9.276.600	đồng
<b>II</b>	<b>Chi hoạt động MTTQ xã</b>	<b>62.098.000</b>	đồng
1	Chi lương, phụ cấp, BH	45.872.300	đồng
2	Chi hoạt động MTTQ xã	16.225.700	đồng
<b>III</b>	<b>Chi hoạt động Đoàn + Cộng tác thanh thiếu niên nhi đồng</b>	<b>98.357.200</b>	đồng
1	Chi lương, phụ cấp, BH	56.259.500	đồng
2	Chi hoạt động Đoàn	22.097.700	
3	Chi kinh phí đại hội đoàn nhiệm kỳ 2022-2027	20.000.000	đồng





<b>IV</b>	<b>Chi hoạt động Hội Phụ nữ xã</b>	<b>83.678.600</b>	đồng
1	Chi lương, phụ cấp, BH	64.900.600	đồng
2	Chi hoạt động Hội Phụ nữ xã	18.778.000	đồng
<b>V</b>	<b>Chi hoạt động Hội nông dân xã</b>	<b>66.668.500</b>	đồng
1	Chi lương, phụ cấp, BH	53.490.500	đồng
2	Chi hoạt động Hội nông dân xã	13.178.000	đồng
<b>VI</b>	<b>Chi hoạt động Hội CCB xã</b>	<b>74.896.200</b>	đồng
1	Chi lương, phụ cấp, BH	39.083.800	đồng
2	Chi hoạt động Hội CCB xã	20.812.400	đồng
3	Chi kinh phí đại hội nhiệm kỳ 2022-2027	15.000.000	đồng
<b>VII</b>	<b>Chi hoạt động quân sự - an ninh trật tự</b>	<b>77.437.000</b>	đồng
1	Chi hoạt động quốc phòng	10.360.000	đồng
2	Chi phụ cấp thôn đội trưởng	52.120.200	đồng
3	Chi hoạt động an ninh trật tự	14.956.800	đồng
<b>XIII</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa, truyền thanh</b>	<b>13.698.000</b>	đồng
1	Chi kinh phí tham gia lễ hội Hoa lư	13.698.000	đồng
<b>IX</b>	<b>Chi sự nghiệp TDTT</b>	<b>43.071.099</b>	đồng
1	Chi kinh phí đại hội TDTT xã	43.071.099	đồng
<b>X</b>	<b>Chi sự nghiệp Y tế- giáo dục</b>	<b>129.293.300</b>	đồng
1	Chi phụ cấp y tế thôn	21.456.000	đồng
2	Chi kinh phí khu cách ly tập trung phòng, chống dịch Covid-19	107.837.300	đồng
<b>XI</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh Tế, XDNTM</b>	<b>148.004.200</b>	đồng
1	Chi XDNTM	103.272.000	đồng
2	Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông, hội nghị, thuê mướn	35.342.200	đồng
3	Chi hỗ trợ chủ vật nuôi có lợn mắc dịch tả châu phi bị tiêu hủy	9.390.000	đồng
<b>XII</b>	<b>Chi sự nghiệp xã hội</b>	<b>280.244.000</b>	đồng
1	Chi lương cán bộ hưu xã	138.744.000	đồng
2	Chi hỗ trợ người bị ảnh hưởng dịch covid19	1.500.000	đồng
3	Chi hoàn trả nguồn hỗ trợ nhà ở đối tượng người có công	140.000.000	đồng
<b>XIII</b>	<b>Chi hỗ trợ hoạt động của các tổ chức xã hội</b>	<b>31.329.000</b>	đồng
1	Chi kinh phí đại hội người cao tuổi	25.379.000	đồng
2	Chi hỗ trợ hội cựu giáo chức, hội CTĐ, CDDC	5.950.000	đồng
<b>XIV</b>	<b>Chi cho hoạt động HĐND xã</b>	<b>149.170.000</b>	đồng





1	Chi phụ cấp, BHYT Đại biểu HĐND xã	70.268.500	đồng
2	Chi phụ cấp các ban của HĐND	5.364.000	đồng
3	Chi kinh phí hoạt động HĐND	11.037.500	đồng
4	Chi hỗ trợ may trang phục cho đại biểu HĐND	62.500.000	đồng
<b>XV</b>	<b>Chi quản lý Nhà nước</b>	<b>936.355.800</b>	đồng
1	Chi lương cán bộ chức danh UBND xã	356.141.600	đồng
2	Chi lương cán bộ bán chuyên trách, trưởng thôn, xóm,	88.506.000	đồng
3	Chi phụ cấp công vụ	84.594.600	đồng
4	Chi tiền lương bảo vệ, văn thư	27.450.000	đồng
5	Chi hỗ trợ ngày lễ, tổ chức tết	77.800.000	đồng
6	Chi nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho cán bộ xã	103.437.700	đồng
7	Chi nộp 2% kinh phí công đoàn	10.000.000	đồng
8	Chi công tác phí CC chuyên môn xã	9.600.000	đồng
9	Chi phụ cấp trách nhiệm theo nghề, một cửa	14.400.000	đồng
10	Chi tiền điện sáng	23.661.600	đồng
11	Chi cước phí internet	5.265.700	đồng
14	Chi tiền nước sạch	2.734.900	đồng
16	Chi tiền văn phòng phẩm	12.413.000	đồng
17	Chi hội nghị	7.405.200	đồng
19	Chi mua vật tư văn phòng	10.124.000	đồng
20	Chi thuê bao phần mềm QLTS	6.000.000	đồng
21	Chi mua tài liệu dùng cho chuyên môn	6.964.000	đồng
22	Chi hoạt động, các khoản khác	30.372.000	đồng
	- Chi đội thuế khảo sát nguồn thu thuế, thu phí môn bài: 5.000.000đ, chi thuê giải tỏa lấn chiếm đất đai, tể trồng cây : 6.359.000đ, chi thưởng = 14.700.000đ, chi chúc mừng = 4.313.000đ		đồng
23	Chi tuyên truyền nhiệm vụ của địa phương	13.578.500	đồng
24	Chi mua máy tính, máy quét, điều hòa bộ phận 1 cửa	45.907.000	đồng
<b>XV</b> <b>I</b>	<b>Chi công tác vệ sinh môi trường</b>	<b>9.400.000</b>	đồng
<b>B</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>2.900.600.000</b>	đồng
1	Chi XD nhà văn hóa xã và các hạng mục phụ trợ	1.000.000.000	đồng
2	Chi XD nhà đa năng trường THCS	1.900.600.000	đồng





UBND Xã: Ninh Giang

Biểu số: 116/CKTC-NSNN

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**

*(Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
<b>Tổng số thu</b>	<b>18.635.643.598</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>18.635.643.598</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	353.418.347	I. Chi đầu tư phát triển	11.700.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.312.796.074	II. Chi thường xuyên	6.246.508.690
III. Thu bổ sung	10.781.030.000	III. Chi chuyển nguồn của NS xã sang năm sau (nếu có)	689.134.908
Bổ sung cân đối ngân sách	3.531.900.000		
Bổ sung có mục tiêu	7.249.130.000		
IV. Thu chuyển nguồn	6.188.399.177	IV. Chi nộp trả NS cấp trên	
<b>Kết dư ngân sách</b>			





**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**  
(Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ST T	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	<b>Tổng thu</b>		<b>45.102.000.000</b>		<b>18.635.643.598</b>		
<b>I</b>	<b>Các khoản thu hưởng 100%</b>		<b>346.000.000</b>		<b>353.418.347</b>		
1	Thu phí ,lệ phí		60.000.000		28.840.000		
2	Thu từ quỹ đất công ích, đất công		220.000.000		199.067.000		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt tịch thu khác theo qui định				36.000.000		
5	Thu đóng góp của nhân dân theo qui định						
6	Thu đóng góp tự nguyện của cá nhân, tổ chức						
7	Thu khác		66.000.000		89.511.347		
<b>II</b>	<b>Các khoản phân chia theo tỷ lệ (%)</b>		<b>41.203.100.000</b>		<b>1.312.796.074</b>		
1	Các khoản thu phân chia		795.000.000		204.299.372		
	- Thuế chuyển nhượng bất động sản		200.000.000		50.021.910		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		97.000.000		102.943.582		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài						
	- Lệ phí trước bạ		498.000.000		51.333.880		
2	Các khoản phân chia khác do tính qui định		40.408.100.000		1.108.496.702		
	- Thuế giá trị gia tăng		243.100.000		93.211.712		
	- Thuế thu nhập từ hoạt động SXKD		165.000.000		46.606.228		
	- Thu tiền sử dụng đất		40.000.000.000		968.678.762		
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>				<b>6.188.399.177</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>V</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>		<b>3.552.900.000</b>		<b>10.781.030.000</b>		
	- Thu bổ sung cân đối		3.552.900.000		3.531.900.000		
	- Thu bổ sung có mục tiêu				7.249.130.000		







**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021**  
(Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê chuẩn)

DVT: triệu đồng

ST T	Tên công trình	Thời gian KC_HT	Tổng dự toán được duyet		Giá trị thực hiện đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán năm 2021			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng của nhân dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
	Tổng số						Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	
<b>I</b>	<b>Công trình chuyển tiếp</b>		<b>38.917,0</b>		<b>25.712,5</b>	<b>11.700</b>	<b>11.700</b>		
1	Hệ thống chiếu sáng công cộng	2018-2019	6370		5742	100	100		
2	Kê hồ khuôn viên cây xanh thôn Bãi Trữ	2020	6471		5967,5	100	100		
3	Nhà VH xã và các hạng mục phụ trợ	2020-2021	14500		3388	1500	1500		
4	XD nhà đa năng trường THCS	2020-2021	6975		6773,5	4500	4500		
5	XD đường GT thôn Trung trừ đoạn từ SVD đến núi gạ	2019-2020	4601		3841,5	700	700		
6	XD nhà bán trú, nâng cấp, SC trường tiểu học	2020-2021	12000		5307	4800	4800		